

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 05/01/2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thơ

Bà Lưu Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2022/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp: “Ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 826/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 422/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bùi Thị L, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Nguyễn Thanh S, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Trần Văn L, sinh năm 1982 (xin vắng).

- Trần Thị H, sinh năm 1952 (xin vắng).

- Trần Thị Kim P, sinh năm 1985 (xin vắng).

Cùng ngụ địa chỉ: Tổ 3, ấp H, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1948 (xin vắng).

Địa chỉ: ấp H, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bùi Thị Kim D, sinh năm 1963 (xin vắng).

Địa chỉ: ấp BT, xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang;

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Bùi Thị L và bị đơn anh Nguyễn Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo án sơ thẩm:***

Nguyên đơn Bùi Thị L và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Nguyễn Minh Hoàng H trình bày:

Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Thanh S chung sống với nhau vào đầu năm 2002, không có đăng ký kết hôn, chung sống tại nhà riêng ở ấp Hưng, xã Diêm Hy, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017, thì phát sinh mâu thuẫn, do anh S hay ghen tuông vô cớ, anh S thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị. Chị đi làm công nhân khu công nghiệp, còn anh S đi ghe xa nhà, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn. Từ năm 2018, anh S dẫn con chung Phú Qu về nhà mẹ ruột của anh S ở xã Bình Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang sinh sống và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ khi đó.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh năm 1998, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết và tên Nguyễn Phú Qu, sinh ngày 28/4/2009. Tại phiên hòa giải ngày 12/8/2022 và phiên tòa, chị L xác định lại chỉ có Phú Qu là con chung của chị và anh S, còn T là con của chị và chồng trước. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Qu đến khi trưởng thành và đồng ý cấp dưỡng nuôi Qu 1.000.000đồng/tháng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, cả hai cùng nhận chuyển nhượng của anh Trần Văn L 02 phần diện tích đất ở ấp Hưng, xã Diêm Hy, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Lần đầu vào năm 2008, nhận chuyển

nhượng diện tích đất 10m x 26m qua đo đạc thực tế là 250,1m² anh Nguyễn Thanh S đã được UBND huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00722 vào ngày 31/5/2008, thuộc thửa 3352, tờ bản đồ số 03, loại đất lúa. Lần hai vào năm 2010, nhận chuyển nhượng diện tích 05m x 26m, qua đo đạc thực tế là 122m², loại đất lúa, nằm sát liền kề thửa 3352, từ lúc nhận chuyển nhượng đến nay, anh S và chị L chưa thể thực hiện việc tách thửa, nên phần đất mua thêm vẫn còn thuộc thửa 1657. Tất cả các diện tích đất hiện các bên có tranh chấp đều tại ấp Hưng, xã Diêm Hy, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Cùng năm 2010, sau khi mua thêm đất của anh L, anh chị tiến hành đổ cát nâng nền, xây rào bao quanh tổng hai phần diện tích đất đã mua, xây nhà và một số công trình phụ như được ghi nhận trong Biên bản xem xét, thẩm định vào ngày 06/7/2022.

Chị L yêu cầu chia đôi tổng hai diện tích đất 372,1m² (250,1 m² + 122m²), chị và anh S mỗi người được nhận ½ tổng diện tích đất này. Các tài sản khác gắn liền với đất, trong suốt quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị L không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung:

Đối với khoản nợ vay 20.000.000 đồng của bà Bùi Thị Kim D, chị L thừa nhận đây là khoản nợ chung của chị và anh S vay của bà D đã lâu, do lúc đó hoàn cảnh túng thiếu nên anh chị mượn nợ bà D để tiêu xài. Nay chị đồng ý chia đôi khoản nợ này, chị và anh S mỗi người sẽ trả cho bà D 10.000.000đồng.

Đối với khoản nợ hụi mà anh chị tham gia chơi như ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện, tổng cộng số nợ hụi là 132.660.000 đồng, chị đồng ý chia đôi, chị và anh S mỗi người sẽ trả cho những người tham gia chơi hụi là 66.330.000đồng.

Đối với các chi phí tố tụng, gồm: chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, tổng cộng 5.000.000đồng, chị L yêu cầu xem xét giải quyết theo luật định.

Bị đơn Nguyễn Thanh S trình bày:

Anh S thống nhất với lời trình bày của chị L về thời điểm, thời gian sống chung, từ năm 2002 đến nay cả hai vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh, anh hoàn toàn đồng ý, vì cả hai không còn tình cảm.

Về con chung: Anh không thừa nhận Nguyễn Thanh T là con chung mà là con riêng của chị L, anh chỉ có con chung Nguyễn Phú Qu, sinh năm 2009, khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc Qu đến khi trưởng thành, anh thống nhất mức cấp dưỡng cho con chung Phú Qu như lời trình bày của chị L. Sau khi ly hôn, anh đồng ý để chị L thăm nom, chăm sóc Qu theo luật định, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh S thừa nhận trong thời gian hai người chung sống với nhau, cả hai có nhận chuyển nhượng 02 phần diện tích đất của anh Trần Văn L vào năm 2008 và năm 2010 như lời chị L trình bày, anh chị cùng sinh sống và sử dụng đất ổn định từ năm 2010 cho đến tháng 6/2019 thì anh S dẫn Phú Qu về bên nhà mẹ ruột của anh ở xã Bình Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang sinh sống đến nay. Lý do, đến năm 2018, đôi bên đã có quá nhiều mâu thuẫn, chị L “*qua lại tình cảm*” với người đàn ông khác một cách công khai, không xem anh ra gì và bỏ bê con chung. Tuy không còn sống chung với nhau, nhưng anh vẫn tới lui thăm nom đất và tài sản gắn liền với đất ở ấp Hưng, xã Diêm Hy.

Nay anh S đồng ý chia đều hai phần diện tích đất qua đo đạc thực tế và anh xin nhận phần đất bên thửa 3352. Vì khi đó, ngoài tài sản chung là quyền sử dụng đất, anh còn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia cho anh các khoản: Nhà nước hỗ trợ 40.000.000đồng, mạnh thường quân hỗ trợ 10.000.000đồng, tiền bán kiếng 10.000.000đồng. Đến phiên hòa giải ngày 12/8/2022, anh S lại yêu cầu được chia toàn bộ phần đất thuộc thửa 3352, đồng ý giao cho chị L phần đất mua thêm vào năm 2010, vì anh cho rằng công sức đóng góp vào việc tạo dựng và phát triển khối tài sản chung này của anh nhiều hơn chị L, anh nuôi con riêng của chị L từ lúc cháu được 02 tuổi đến khi học xong đại học, hiện tại anh không có nhà riêng, còn chị L đã có nhà riêng, được xây dựng từ nguồn tiền Nhà nước và mạnh thường quân hỗ trợ cho gia đình bị thiên tai vào đầu năm 2022.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn L trình bày:

Năm 2008, anh có bán cho vợ chồng anh S, chị L diện tích đất ngang 10m x dài 26m, thuộc thửa đất số 1657, tờ bản đồ số 03, tọa lạc ấp Hưng, xã Diêm Hy, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, với giá là 12.000.000đồng/m ngang. Đến năm 2010, anh bán tiếp cho anh Sang, chị L phần đất tiếp giáp với phần đất ban đầu, diện tích ngang 05m x dài 26m, với giá 15.000.000đồng/m ngang. Sau khi mua, anh S, chị L đã tiến hành xây hàng rào bao quanh tổng hai phần đất

này. Phần đất mua sau, anh S, chị L chưa làm giấy tờ được. Việc mua bán này, đôi bên đã thanh toán và giao đất cho nhau xong. Nên nay, anh S và chị L tranh chấp, anh không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu đối với phần đất này. Sau này, nếu anh S, chị L có nhu cầu làm giấy tờ đất 05m ngang mua thêm mà cần anh ký tên để hoàn tất hồ sơ cấp đất thì anh sẵn sàng hợp tác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H và chị Trần Thị Kim Ph thống nhất như lời trình bày của ông Trần Văn L:

Bà H, chị Ph đề nghị Tòa án không triệu tập tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này, nếu Tòa án triệu tập thì hai người xin vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Vào năm 2015 - 2016, một số hộ dân tại địa phương có thống nhất tổ chức thực hiện góp vốn xoay vòng theo tháng (có thể gọi là hội). Hình thức thực hiện không có đầu thảo như hội truyền thống, mà tập thể thống nhất cử người làm thư ký, ông Đ được cử làm thư ký của 02 (hai) phần hội đó, thư ký không có nhận bất cứ một khoản bồi dưỡng nào, nhiệm vụ của thư ký là ghi biên bản hàng tháng trong những lần đóng hội. Anh S và chị L là vợ chồng, có tham gia 02 dây hội (một dây 02 phần và 01 dây 01 phần hội). Trong quá trình tham gia, anh S, chị L đã hót hết 03 phần hội. Sau khi nhận tiền hội, hai người có thực hiện nghĩa vụ đóng được vài tháng hội, sau đó thì ngừng không đóng hội chết cho các hội viên nữa. Cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: anh chị còn phải đóng $31 \text{ lần} \times 2 = 62 \text{ lần} \times 1.340.000 \text{ đồng}$ (tiền hội gốc) = 83.050.000 đồng .

Dây hội thứ hai: Anh chị còn phải đóng $37 \text{ lần} \times 1.340.000 \text{ đồng}$ (tiền hội gốc) là 49.580.000 đồng

Tổng số tiền hội mà anh S và chị L phải trả là: 132.660.000đồng.

Ông Đ yêu cầu anh S và chị L trả cho những hội viên trong hai dây hội nói trên số tiền 132.660.000đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Kim D trình bày:

Vào năm 2010 (bà không nhớ rõ ngày tháng), do vợ chồng anh S, chị L không đủ tiền mua đất nên có hỏi mượn bà 20.000.000đồng. Vì anh S là cháu

ruột của bà, nên bà cho vợ chồng anh S, chị L mượn tiền mà không làm giấy tờ, cũng không có tính lãi.

Nay, anh S và chị L ly hôn, bà yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh S và chị L trả cho bà số tiền 20.000.000đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 826/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 5, Điều 244, Điều 147, Khoản 3 Điều 218, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 214, Điều 224 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 53, Khoản 1 Điều 14, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 6 Điều 26, điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu anh Nguyễn Thanh S và chị Bùi Thị L trả số tiền nợ hui là 132.660.000đồng.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L:

- *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Thanh S.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Phú Qu, sinh ngày 28/4/2009, giao cho anh Sang tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành. Chị L được quyền, cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định, không ai được cản trở.

Chị L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Phú Qu hàng tháng với số tiền 1.000.000đồng/tháng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

- *Về nợ chung*: Anh S và chị L mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Kim D số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Về tài sản chung*:

+ Giao cho anh Nguyễn Thanh S được toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 250,1m², thuộc thửa 3352, tờ bản đồ số 03, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp

Hung, xã Diêm Hy, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00722, do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Thanh S vào ngày 31/5/2008 (đính kèm phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10/8/2022).

+ Tạm giao cho anh Nguyễn Thanh S quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 122m², thuộc thửa 1657, tờ bản đồ số 03, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp Hưng, xã Diêm Hy, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03449QSDĐ cấp cho hộ ông Trần Văn L vào ngày 24/6/2004 (đính kèm phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10/8/2022).

+ Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn L, bà Trần Thị H và chị Trần Thị Kim Ph là tiếp tục thực hiện các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 122m² nói trên cho anh Nguyễn Thanh S theo quy định pháp luật.

+ Tạm giao cho anh S quản lý, sử dụng các tài sản gắn liền với tổng diện tích đất 372,1m² nói trên, gồm: Nhà chòi, sân, lối đi xi – măng, tường xây chắn đất, cát san lấp.

+ Anh S có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Bùi Thị L 186.050.000 (một trăm tám mươi sáu triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

* Ngày 04/10/2022, chị Bùi Thị L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phần tài sản, chị yêu cầu được nhận toàn bộ quyền sử dụng đất và hoàn ½ giá trị cho anh S.

* Ngày 10/10/2022, anh Nguyễn Thanh S có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chia cho anh 60%, chia cho chị L 40% giá trị tài sản.

Ngày 19/12/2022, anh S có đơn xin rút kháng cáo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Bùi Thị L vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phần tài sản, chị yêu cầu được nhận toàn bộ quyền sử dụng đất, hoàn ½ giá trị cho anh S. Anh Nguyễn Thanh S không đồng ý yêu cầu kháng cáo của chị L. Hai bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+Về tổ tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về nội dung kháng cáo: Chị Bùi Thị L kháng cáo yêu cầu được nhận toàn bộ quyền sử dụng đất và hoàn $\frac{1}{2}$ giá trị cho anh S. Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Bùi Thị L và đình chỉ yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thanh S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Bùi Thị L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh S. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*xin ly hôn*” là đúng theo quy định tại các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn chị Bùi Thị L, bị đơn anh Nguyễn Thanh S là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Sau khi tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bên không kháng cáo về hôn nhân và con chung chỉ kháng cáo về phần tài sản. Đơn kháng cáo của chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Thanh S đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu kháng cáo của chị Bùi Thị L hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa, anh S và chị L đều thừa nhận thừa đất 3352, diện tích 250,1m², tờ bản đồ số 03, loại đất lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00722 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Thanh S vào ngày 31/5/2008 là nhận chuyển nhượng của hộ ông Trần Văn L. Vào năm 2010, vợ chồng anh nhận chuyển nhượng tiếp của hộ ông L với diện tích 122m² liền kề với phần đất trên nhưng chưa làm thủ tục tách thửa và một số tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng.

Chị Bùi Thị L trình bày hiện tại chị đang làm thuê cho quán ăn, phần đất đang tranh chấp thỉnh thoảng chị tới thăm chứ không canh tác trồng gì trên đất, chị cũng đã cất được căn nhà trên một phần diện tích đất của ba ruột chị là ông Bùi Văn B, thuộc thửa 2271, tờ bản đồ số 03, diện tích là 20m x 3,5m, tại ấp Hưng, xã Diêm Hy, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Nay chị yêu cầu được nhận toàn bộ quyền sử dụng đất và hoàn $\frac{1}{2}$ giá trị cho anh S nhưng phía anh S không đồng ý. Theo quy định pháp luật, khi ly hôn, việc chia tài sản chung của vợ chồng phải đảm bảo quyền lợi của mỗi bên, nhu cầu sử dụng đất cũng như về điều kiện kinh tế của mỗi người. Hiện tại chị L đã có nhà ở ổn định được cất trên phần đất 70m² của cha ruột chị từ nguồn tiền của nhà nước hỗ trợ xây nhà ở do

bị lốc xoáy gây ra với số tiền 40.000.000 đồng (theo công văn số 496 ngày 22/9/2022 của phòng Lao động thương binh xã hội huyện Châu Thành) và đi làm thuê cho quán ăn nên chị không trực tiếp canh tác trên đất còn anh S chưa có nhà, hai cha con anh đang ở nhờ nhà cha mẹ ruột nên việc cấp sơ thẩm giao phần đất tranh chấp cho anh quản lý sử dụng, anh phải hoàn ½ giá trị cho chị L là có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử giao cho anh Nguyễn Thanh S được toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 250,1m², thuộc thửa 3352, tờ bản đồ số 03, loại đất lúa, tại ấp Hưng, xã Diêm Hy, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00722, do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Thanh S vào ngày 31/5/2008; giao cho anh Nguyễn Thanh S quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 122m², thuộc thửa 1657, tờ bản đồ số 03, loại đất lúa, tại ấp Hưng, xã Diêm Hy, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03449QSDĐ cấp cho hộ ông Trần Văn L vào ngày 24/6/2004 (anh S có trách nhiệm làm thủ tách thửa). Anh S có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Bùi Thị L 186.050.000 đồng 1/2 giá trị tài sản chung là có căn cứ. Do đó, hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 116 Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ các điểm a, b, đ khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Bùi Thị Lệ. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 826/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu anh Nguyễn Thanh S và chị Bùi Thị L trả số tiền nợ hui là 132.660.000 đồng.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thanh S.

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L:

- *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Thanh S.

- *Về con chung*: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh S và chị L: Anh S tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phú Qu, sinh ngày 28/4/2009. Chị L được quyền, cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định, không ai được cản trở.

Chị L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Phú Qu hàng tháng với số tiền 1.000.000đồng/tháng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

- *Về nợ chung*: Anh S và chị L mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Kim D số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Về tài sản chung*:

+ Giao cho anh Nguyễn Thanh S được toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 250,1m², thuộc thửa 3352, tờ bản đồ số 03, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp Hưng, xã Diêm Hy, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00722, do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Thanh S vào ngày 31/5/2008 (đính kèm phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10/8/2022).

+ Giao cho anh Nguyễn Thanh S quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 122m², thuộc thửa 1657, tờ bản đồ số 03, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp Hưng, xã Diêm Hy, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03449QSDĐ cấp cho hộ ông Trần Văn L vào ngày 24/6/2004 anh được quyền làm thủ tục tách thửa (đính kèm phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10/8/2022).

+ Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn L, bà Trần Thị H và chị Trần Thị Kim Ph là tiếp tục thực hiện các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 122m² nói trên cho anh Nguyễn Thanh S theo quy định pháp luật.

+ Tạm giao cho anh S quản lý, sử dụng các tài sản gắn liền với tổng diện tích đất 372,1m² nói trên, gồm: Nhà chòi, sân, lối đi xi – măng, tường xây chắn đất, cát san lấp.

+ Anh S có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Bùi Thị L $\frac{1}{2}$ giá trị 372,1m² là 186.050.000 (một trăm tám mươi sáu triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật

2. Về án phí:

Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, chịu 9.302.500 đồng án phí chia tài sản chung, chịu 500.000 đồng án phí chia nợ chung và 300.000 đồng án phí hôn nhân phúc thẩm. Tổng cộng chị L phải chịu 10.702.500 đồng, căn trừ với số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 3.100.000 đồng theo hai Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020429 và số 0020430 cùng ngày 17/5/2022 và biên lai thu số 0020983 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị L còn phải nộp tiếp **7.602.500** (bảy triệu sáu trăm lẻ hai ngàn năm trăm) đồng án phí.

Anh S phải chịu 9.302.500 đồng án phí chia tài sản chung; 500.000 đồng án phí chia nợ chung và 150.000 đồng án phí hôn nhân phúc thẩm. Tổng cộng anh S phải chịu **9.952.500** đồng án phí. Căn trừ với số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021005 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh S còn phải đóng **9.652.500** (chín triệu sáu trăm năm hai ngàn năm trăm) đồng án phí.

Hoàn lại cho bà D số tiền tạm ứng án phí **500.000 đồng** mà bà đã đóng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020783 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí **3.315.000 đồng** mà ông đã đóng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020809 ngày 21/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3/ Chi phí tố tụng:

Anh Sang phải hoàn lại cho chị Lệ 2.500.000 đồng, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS h Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan